

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày: 05-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bá Khiên;

Ông Lương Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cao – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST - HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/HSST-QĐ ngày 28/8/2023; số: 05/2023/HSST-QĐ ngày 26/9/2023; 06/2023/HSST-QĐ ngày 17/10/2023; số 07/2023/HSST-QĐ ngày 09/11/2023 đối với bị cáo:

Trần Ngọc S, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1964, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng T; trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); bị cáo có vợ là Vũ Thị L, sinh năm 1963 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không, nhân thân: Không có án tích, không bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/4/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 18/5/2023. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Trần Xuân T - Luật sư, Trưởng văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H - Luật sư, Phó trưởng văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có gửi bản luận cứ).

3. Bà Thái Phương Q - Luật sư, Phó trưởng văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

(Đều có địa chỉ tại: P2708, tòa nhà VP3, bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội).

Bị hại: Ông Vì Xuân H, sinh năm 1957, nơi cư trú: Xóm Ph, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Vì Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm Ph, xã Cun P, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Thị Lan H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ y, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Ngọc S và ông Vì Xuân H có quan hệ quen biết với nhau từ khoảng năm 2015. Ngày 18/10/2019, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T do Trần Ngọc S làm giám đốc ký hợp đồng hợp tác để trồng cây Téch lai với Công ty cổ phần Quý Mai Con VN do ông Giang Yuke Ming làm giám đốc, địa điểm trồng cây Téch lai tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo đã gặp ông Vì Xuân H rủ cùng hợp tác trồng cây Téch lai. Qua khảo sát thấy cây Téch lai có tiềm năng mang lại hiệu quả kinh tế cao nên vào ngày 02/01/2020, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T do Trần Ngọc S làm giám đốc và Hợp tác xã Bình Minh do ông Vì Xuân H làm giám đốc ký hợp đồng số 07/QMC - TSSL về việc trồng cây Téch lai, địa điểm tại xã Mường Men, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La và lập danh sách các hộ dân đăng ký trồng cây trên diện tích 140 ha. Sau khi ký hợp đồng với ông Vì Xuân H xong, do thời điểm đó Trần Ngọc S đang khó khăn về tài chính, cần tiền để chi tiêu cho nhiều việc nên đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của ông Vì Xuân H bằng cách đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật rằng S đã ký hợp đồng mua cây giống, tuy nhiên chưa có tiền mua cây và đầu tư lao động để trồng cây. Hiện nay, dự án trồng cây có nguồn vốn ưu đãi của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cho tỉnh Sơn La với lãi suất 0,5%/năm, thời gian cho vay từ 06 đến 10 năm. Để được vay nguồn vốn ưu đãi đó thì cần một khoản tiền để đối ứng (Được hiểu là tiền mang đi quan hệ để được vay vốn ưu đãi). Cứ một trăm triệu đồng đối ứng thì được vay một tỷ đồng, cần ba trăm triệu đồng để đối ứng vay ba tỷ đồng. Trần Ngọc S nói đang khó khăn về tài chính nên bảo ông H một mình huy động tiền đưa cho S mang đi vay vốn và hứa với ông H là trong vòng 15 ngày nếu vay được tiền hoặc không vay được tiền thì sẽ trả lại toàn bộ số tiền cho ông H thì ông H đồng ý. Do thời điểm đó giáp tết nguyên đán năm 2020 nên S liên tục thúc giục ông H phải đưa tiền nhanh nếu không nguồn vốn cho vay ưu đãi sẽ bị trả về Trung ương. Ông H đã tin tưởng và huy động tiền đưa cho S. Cụ thể, ngày 16/01/2020 (Ngày 22/12 âm lịch) tại thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình, ông H đưa cho S số tiền 180.000.000 đồng có làm biên bản với nội dung: Bàn giao tiền để xin hỗ trợ vay vốn ưu đãi đầu tư thực hiện hợp đồng, nếu không thực hiện được vay vốn thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T có trách nhiệm trả lại cho Hợp tác xã Bình Minh số tiền trên trong thời gian ngắn nhất. Lần thứ hai là vào ngày 21/01/2020 (27/12 âm lịch), ông H đưa tiền cho con trai là Vì Văn H chuyển vào tài khoản 7901205102439 của Trần Ngọc S số tiền 30.000.000 đồng. Lần thứ ba vào ngày 23/01/2020 (29/12 âm lịch) cũng tại thị trấn Mai Châu, ông Vì Xuân H đưa cho S số tiền 20.000.000 đồng. Lần thứ tư khoảng sau tết nguyên đán, ngày 26/01/2020 ông H đưa cho Vì Văn H số tiền 5.000.000 đồng để đưa cho Trần Ngọc S tại Hà Nội. Tổng số cả bốn lần Trần Ngọc S nhận được từ ông Vì Xuân H là 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 32/CT - VKS - HS ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố bị cáo Trần Ngọc Sinh về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau.

Về tội danh, hình phạt:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc S dưới khung hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam là 01 tháng 09 ngày, từ ngày bắt tạm giam 10/4/2023 đến ngày được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ 18/5/2023.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo đang điều trị bệnh, không có khả năng thi hành, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

- Ngày 06/7/2021 và ngày 17/5/2022 bị cáo chuyển khoản trả cho ông H mỗi lần là 20.000.000 đồng, ngày 24/02/2023, bị cáo Trần Ngọc S đã đưa tiền cho con gái là Trần Thị Lan H trả tiền khắc phục hậu quả cho ông H với số tiền là 274.000.000 đồng cho ông H. Tổng số là 314.000.000 đồng, ông H đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo không có ý kiến yêu cầu gì đối với số tiền đã bồi thường, nên không đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại.

Về vấn đề khác:

- Bị cáo đang được tại ngoại, bị tuyên xử phạt tù, không có căn cứ đề nghị bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Về xử lý vật chứng: Không thu giữ vật chứng gì, nên không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của bà Trần Thị H người bào chữa cho bị cáo, tóm tắt như sau:

1. Về khung hình phạt truy tố và đưa ra xét xử theo điểm a, khoản 3 Điều 174 là quá nặng vì:

- Trần Ngọc S không có ý thức chiếm đoạt tài sản, mà do dịch bệnh Covid-19 gặp khó khăn nên sau khi nhận 235.000.000 đồng đã dùng giải quyết khó khăn cá nhân và trả lương cho người lao động và sẽ trả lại tiền cho bị hại. Đến tháng 5 và tháng 7/2021 đã trả được 40.000.000 đồng, đến tháng 2/2023 đã bồi thường số còn lại.

- Tổng số tiền Trần Ngọc S chiếm giữ của ông H là 195.000.000 đồng vì ngày 17/5/2021 và ngày 6/7/2021 bị cáo đã trả bị hại 40.000.000 đồng chỉ chiếm đoạt 195.000.000 đồng, không phải là 235.000.000 đồng nên chỉ chiếm đoạt 195.000.000 đồng, đề nghị áp dụng nguyên tắc có lợi cho Trần Ngọc S, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hợp lý và đề nghị xem xét yếu tố không có ý thức chiếm đoạt tài sản. (đề nghị tham khảo bản án số 124/2023/HS-ST ngày 8/8/2023 của TAND tỉnh Sơn La).

2. Các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Trần Ngọc S

- Đề nghị áp dụng điểm b, s, v, x, g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.
- Bị hại có đơn đề nghị rút đơn tố giác và đề nghị không xử lý ông S về hình sự.
- Bị cáo Trần Ngọc S đã 59 tuổi, có bệnh nền như tim, huyết áp cao, thấp khớp, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.
- Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự dưới hai năm tù.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đã nhận được các văn bản tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo đã được phổ biến quyền và nghĩa vụ, không bị ép cung, mớm cung, bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử không thắc mắc gì, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo có thuê Luật sư nhưng Luật sư vắng mặt, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt các Luật sư đã thuê. Nguyên nhân phạm tội do bị cáo đang khó khăn về tài chính, cần tiền để chi tiêu cho nhiều việc nên đã nảy sinh ý định lừa đảo nói dối có nguồn vay ưu đãi lãi thấp để ông Hiệu tin đưa tiền cho bị cáo nhằm chiếm đoạt tiền của ông Vì Xuân H. Sau sự việc xảy ra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục nhiều hơn số tiền bị cáo chiếm đoạt, hiện nay bị cáo đang bị bệnh nặng phải điều trị, công ty thời điểm này làm ăn không hiệu quả, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Tóm tắt kiến của bị hại tại Cơ quan điều tra: Ông Vì Xuân H và bị cáo có quen biết từ năm 2015, đến năm 2019 có cùng nhau ký hợp đồng hợp tác trồng cây Tách lai, bị cáo nói dối cần tiền để đối ứng vay vốn để được ưu đãi, nhưng không có chương trình cho vay ưu đãi nào cả, còn nói trong vòng 15 ngày nếu không vay vốn được sẽ trả lại tiền cho ông H nên ông H đã tin và đưa tiền cho bị cáo 04 lần với tổng số tiền là 235.000.000 đồng. Sau đó ông không vay vốn được nhưng bị cáo cũng không trả lại tiền cho ông H. Ông H đã nhiều lần hỏi thì bị cáo đưa ra nhiều lý do và chưa trả tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã trả lại tiền cho ông H tổng là 314.000.000 đồng, ông H đã nhận lại được số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì khác, xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tóm tắt ý kiến của người làm chứng Vì Văn H tại Cơ quan điều tra: Anh H có được chứng kiến việc ông H đưa số tiền 180.000.000 đồng cho bị cáo vào ngày 16/01/2020, có lập văn bản giao nhận tiền, ngày 21/01/2020 ông H đưa cho anh H 30.000.000 đồng nhờ anh H mang đi chuyển khoản cho bị cáo vào tài khoản ngân hàng, qua tết âm lịch năm 2020, ông H đưa cho anh H 5.000.000 đồng mang đi đưa cho bị cáo tại Hà Nội.

Ý kiến của người làm chứng Trần Thị Lan H: Chị H là con của bị cáo Trần Ngọc S. Ngày 24/02/2023, chị H được bị cáo nhờ và đã giao số tiền 274.000.000 đồng để bồi thường cho ông H. Số tiền 274.000.000 đồng là tiền của bị cáo đưa cho chị H để trả cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày toàn bộ hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ là văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La trả lời về việc không được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giao vốn cho vay ưu đãi để trồng cây Tếch lai trên địa bàn tỉnh; sao kê lịch sử những khoản tiền ông Hiệu chuyển tiền cho bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Tháng 01/2020, sau khi ký hợp đồng hợp tác trồng cây Tếch lai với ông Vì Xuân H, giám đốc Hợp tác xã Bình Minh, do cần tiền trang trải công việc riêng nên Trần Ngọc S đã đưa ra thông tin gian dối đối với ông Vì Xuân H, nhằm chiếm đoạt tài sản của ông H từ trước khi nhận được tiền. Thông tin đó là: Sinh đã ký hợp đồng mua cây giống, nhưng chưa có tiền mua cây và đầu tư lao động để trồng cây, hiện dự án trồng cây có nguồn vốn ưu đãi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cho tỉnh Sơn La với lãi suất 0,5%/năm, thời gian cho vay từ 06 đến 10 năm. Để được vay nguồn vốn ưu đãi đó thì cần một khoản tiền để đối ứng (Được hiểu là tiền mang đi quan hệ để được vay vốn ưu đãi). Cứ một trăm triệu đồng đối ứng thì được vay một tỷ đồng, cần ba trăm triệu đồng để đối ứng vay ba tỷ đồng, ông Hiệu đã tin tưởng và đã đưa cho bị cáo nhiều lần với tổng số tiền là 235.000.000 (hai trăm ba mươi lăm triệu) đồng. Sau khi nhận được tiền từ ông H, bị cáo đã sử dụng, chi tiêu vào việc riêng. Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Ngọc S phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do đang gặp khó khăn về tài chính, cần tiền sử dụng vào việc riêng nên đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, làm ăn, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật để bị hại tin tưởng nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích của bị cáo đã đạt được chiếm đoạt của bị hại 235.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện ở việc bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả vượt so với số tiền bị cáo chiếm đoạt; bị cáo có thành tích xuất sắc trong quá trình làm việc, được UBND tỉnh Sơn La tặng Bằng khen; bị hại có đơn xin rút lại đề nghị, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo có ông nội, bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, có chú ruột là Liệt sỹ. Là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo thuộc trường hợp xác định chưa có tiền án, tiền sự do tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này (năm 2020) chưa có bản án có hiệu lực của Tòa án khác. Bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả và vượt 79.000.000 đồng (314.000.000 đồng/235.000.000 đồng) so với hậu quả gây ra, bị hại có đơn xin rút lại đề nghị, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như vậy thể hiện tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của hành vi phạm tội đã giảm đi đáng

kê. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nêu trên. Do đó xét thấy nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Đối với ý kiến của người bào chữa:

- Về khung hình phạt truy tố và đưa ra xét xử theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, do bị cáo chiếm đoạt 235.000.000 đồng.

- Bị cáo Trần Ngọc S có ý thức chiếm đoạt tài sản, thể hiện ở việc đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin mà mình biết rõ không có thật về việc vay vốn nêu ở phần nội dung vụ án để chiếm đoạt tài sản.

- Người bào chữa nêu do dịch bệnh Covid-19 gặp khó khăn nên sau khi nhận 235.000.000 đồng đã dùng giải quyết khó khăn cá nhân và trả lương cho người lao động và sẽ trả lại tiền cho bị hại. Đến tháng 5 và tháng 7/2021 đã trả được 40.000.000 đồng, đến tháng 2/2023 đã bồi thường số còn lại; tổng số tiền Trần Ngọc S chiếm giữ của ông H là 195.000.000 đồng vì ngày 17/5/2021 và ngày 6/7/2021 bị cáo đã trả bị hại 40.000.000 đồng chỉ chiếm đoạt 195.000.000 đồng, không phải là 235.000.000 đồng. Những vấn đề này không phải là các căn cứ để loại trừ trách nhiệm hình sự, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tội phạm cấu thành vật chất, tội phạm hoàn thành kể từ khi bị cáo chiếm đoạt được tài sản (bị hại đưa, bị cáo nhận 4 lần từ 16/01 đến 26/01 năm 2020).

- Không áp dụng nguyên tắc có lợi cho Trần Ngọc S là áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như đã phân tích nêu trên bị cáo chiếm đoạt 235.000.000 đồng đủ căn cứ xét xử theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Về đề nghị tham khảo bản án số 124/2023/HS-ST ngày 8/8/2023 của TAND tỉnh Sơn La. Đây không phải là án lệ nên không áp dụng được.

- Về đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Trần Ngọc S: Đề nghị áp dụng điểm b, s, v, x, g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về điểm x bị cáo không phải là người trực tiếp có công với cách mạng, bị cáo không phải là cha, chồng, con của liệt sĩ; về điểm g bị cáo phạm tội không phải do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn Covid-19 là dịch bệnh toàn cầu, không riêng bị cáo, hơn nữa nhà nước đã có chính sách phù hợp đối với các doanh nghiệp; bị cáo 59 tuổi, ốm đau pháp luật không có quy định là tình tiết giảm nhẹ nên không áp dụng. Các tình tiết khác có căn cứ nên được chấp nhận.

- Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự dưới hai năm tù. Là không có căn cứ bởi lẽ như đã nhận định nêu trên bị cáo chiếm đoạt 235.000.000 đồng, hành vi của bị cáo cấu thành tội phạm theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên đề nghị về áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã có ý kiến đề nghị nêu trên. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật cần xử lý, giải quyết theo hướng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc S phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 02 (hai) năm tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành án, được trừ 01 (một) tháng 09 (chín) ngày đã tạm giam, (từ ngày bắt tạm giam 10/4/2023 đến ngày được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ 18/5/2023).

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- STP tỉnh HB;
- Trại tạm giam; Phòng Hồ sơ CAT;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quanĐT; Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Chi cục THA dân sự;
- Hồ sơ THAHS;
- UBND TT Hát Lót, huyện Mai Sơn, Sơn La;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thanh Tùng